

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10/7/2024

“Về việc: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Lan và ông Nhữ Văn Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị May - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1977.

HKTT: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương, có mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Công C, sinh năm 1973

HKTT: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang chấp hành án tại đội 12, phân trại số 1, trại giam Hoàng Tiến, Cục C10, Bộ Công an, vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn - chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Vũ Công C được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B năm 1995. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình chồng tại Thôn B, xã T.

Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bắt

đồng quan điểm trong cuộc sống từ cách cư xử đến việc phát triển kinh tế gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng cứ âm ỉ, kéo dài... Từ năm 2003 chị bỏ đi làm ăn xa, hầu như không chung sống cùng anh C mà mỗi lần về chị chỉ qua lại thăm nom các con, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2003 đến nay, năm 2020 chị về địa phương làm ăn, sinh sống, có thời gian chị ở nhà ngoại, có thời gian chị thuê nhà ở riêng chứ vợ chồng cũng không đoàn tụ. Trong suốt thời gian sống ly thân, chị và anh C không ai chủ động tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn. Do vợ chồng không còn tình cảm, chị thường xuyên đi làm xa, chị được biết anh C có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác từ lâu nhưng chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết mối quan hệ đó, chị chỉ trình bày như vậy để khẳng định chị và anh C đã hết tình cảm, kể cả khi anh C chấp hành xong hình phạt tù thì vợ chồng cũng không còn cơ hội đoàn tụ nên việc anh C có quan điểm không đồng ý ly hôn là cố tình gây khó khăn cho chị và cho việc giải quyết vụ án.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân từ lâu. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Chị và anh C có hai con chung: Vũ Công T1, sinh năm 1996 và Vũ Công T2, sinh năm 1999 đều trên 18 tuổi, trưởng thành nên không đề nghị giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải, bị đơn- anh Vũ Công C trình bày:

Về điều kiện, thời gian kết hôn và quá trình tổ chức cuộc sống chung như chị T trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống đến năm 2003 thì nảy sinh mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2003 đến nay. Anh xác định giữa anh và chị T không còn tình cảm với nhau, tuy nhiên anh không muốn trình bày quan điểm thuận tình ly hôn mà chị T xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do anh đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Hoàng Tiến nên anh đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh.

Anh xác định vợ chồng có hai con chung Vũ Công T1, sinh năm 1996 và Vũ Công T2, sinh năm 1999 đều trên 18 tuổi, trưởng thành nên không đề nghị giải quyết việc nuôi dưỡng.

Anh không yêu cầu giải quyết về quan hệ tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T. Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Vũ Công C.

Về quan hệ con chung: Hai con chung Vũ Công T1, sinh năm 1996 và Vũ Công T2, sinh năm 1999 đều trên 18 tuổi, trưởng thành nên không phải giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về quan hệ tài sản: Chị T, anh C không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T khởi kiện vụ án dân sự nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Công C là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Vũ Công C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương năm 1995, là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng vui vẻ, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm... mâu thuẫn cứ âm ỉ, kéo dài và không được giải quyết dứt điểm. Từ năm 2003 chị T đi làm ăn xa đến năm 2020 mới về quê sinh sống nhưng vợ chồng cũng không đoàn tụ. Trong suốt thời gian sống ly thân, không bên nào có thiện chí khắc phục mâu thuẫn mà đều có thái độ bỏ mặc tình trạng hôn nhân. Khi chị T xin ly hôn, cả chị T và anh C đều thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm, đã sống ly thân từ năm 2003 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Như vậy có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài; đời sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh C, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị T, anh C có hai con chung là Vũ Công T1, sinh năm 1996 và Vũ Công T2, sinh năm 1999 đều trên 18 tuổi, trưởng thành nên không phải giải quyết việc nuôi dưỡng.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Chị T, anh C không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị T khởi kiện vụ án dân sự sơ thẩm nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Vũ Công C.

2- Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/23 số 0002162 ngày 03/4/2024.

3- Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Quyên